TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 23/6/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Ngọc Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó và bà Đinh Thị Minh Thúy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*** Ông Lường Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 26/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 06/6/2022 đối với bị cáo Lò Văn T, sinh ngày 25/12/1984, tại xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, cư trú tại bản B, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công chức lao động thương binh và xã hội xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn O, sinh năm 1964 và bà H Thị A, sinh năm 1962, vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1982, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đang tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 49- QĐ/UBKTHU ngày 12/01/2022 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Phù Yên, tỉnh Sơn La; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2022 đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Lò Thị B, sinh năm 1966, cư trú tại bản Đ, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Lò Thị C, sinh năm 1976, cư trú tại bản Đ, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

3. Chị Đinh Thị E, sinh năm 1961, cư trú tại bản Đ, xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lò Văn T là công chức Lao động thương binh và xã hội

xã TP, huyện Phù Yên, theo Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã số 113/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Thực hiện Quy chế hoạt động của UBND xã TP Lò Văn T có nhiệm vụ thống kê dân số, lao động, việc làm, ngành nghề, hộ nghèo, hộ cận nghèo; theo dõi, tổng hợp, báo cáo về số lượng và tình hình biến động các đối tượng chính sách lao động, thương binh và xã hội; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chi trả các chế độ đối với người được hưởng chính sách xã hội và người có công; thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn xã TP. Ngày 18/9/2021 bà Lò Thị B gọi điện thoại cho Lò Văn T trao đổi về việc làm hồ sơ cho chồng là ông Bạc Văn G bị liệt không đi lại được để hưởng chế độ bảo trợ xã hội, quá trình trao đổi thì T nói phải chi phí số tiền là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền công lập hồ sơ và chi phí đi lại của T, bà B đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày T đến nhà bà B lấy số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cùng giấy ra viện và giấy chứng minh nhân dân của ông Bạc Văn G. Cũng trong tháng 9/2021 bà Lò Thị C đến gặp T để hỏi và nhờ T làm hồ sơ cho con trai là anh Lò Anh H đang bị ốm nằm viện, T nhận lời và nhận tiền của bà C 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra Lò Văn T còn khai nhận: Khoảng tháng 6/2021 có bà Đinh Thị E, cư trú tại bản Đ, xã TP, huyện Phù Yên đến UBND xã TP gặp T để hỏi và nhờ T làm hồ sơ cho con gái là Đinh T Loan bị bệnh tim bẩm sinh để hưởng chế độ bảo trợ xã hội, T nhận lời và nhận tiền của bà E 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tổng số tiền Lò Văn T chiếm đoạt là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Sau khi hành vi bị phát giác T đã hoàn trả đủ toàn bộ số tiền cho bà Lò Thị B, Lò Thị C và bà Đinh Thị E.

Ngày 08/01/2022 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên bắt để tạm giam đối với Lò Văn T để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 06/4/2022 bà Lò Thị B, Lò Thị C và bà Đinh Thị E viết đơn đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo Lò Văn T.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa Ngày 15/6/2022 bà Lò Thị B, Lò Thị C và bà Đinh Thị E vì lý công việc không tham gia phiên tòa được và xác nhận đã nhận lại đủ số tiền với bị cáo chiếm đoạt, đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị can Lò Văn T về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận: Bị cáo được tuyển dụng công chức xã từ ngày 18/01/2012, sau khi được tuyển dụng bị cáo được UBND xã TP phân công nhiệm vụ thống kê dân số, lao động, việc làm, ngành nghề, hộ nghèo, hộ cận nghèo; theo dõi, tổng hợp, báo cáo về số lượng và tình hình biến động các đối tượng chính sách lao động, thương binh và xã hội; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chi trả các chế độ

đối với người được hưởng chính sách xã hội và người có công; thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn xã TP.

Ngày 18/9/2021 có bà Lò Thị B gọi điện thoại nhờ bị cáo làm hồ sơ cho chồng là ông Bạc Văn G bị liệt để hưởng chế độ bảo trợ xã hội, bị cáo nói phải chi phí số tiền là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền công lập hồ sơ và chi phí đi lại của T, sau khi trao đổi bà B đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo đến nhà bà B lấy số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và giấy ra viện, giấy chứng minh nhân dân của ông Bạc Văn G. Cũng trong tháng 9/2021 bà Lò Thị C đến nhờ bị cáo làm hồ sơ cho con trai là anh Lò Anh H để hưởng chế độ bảo trợ xã hội, bị cáo nhận lời và nhận tiền của bà C 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra khoảng tháng 6/2021 có bà Đinh Thị E đến trụ sở xã TP gặp bị cáo để làm hồ sơ cho con gái là Đinh Thị L hưởng chế độ bảo trợ xã hội, bị cáo nói phải chi phí số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bà E đồng ý và cho con trai đem tiền đến cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Bị cáo đã hoàn trả đủ toàn bộ số tiền cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày Luận tội, giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn T như Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2, 5 Điều 355, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 05 năm. Giao bị cáo cho UBND xã TP huyện Phù Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo đã bồi thường đủ toàn bộ số tiền cho bà Lò Thị B 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bà Lò Thị C 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và Đinh Thị E 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Phần tranh luận bị cáo nhất trí với Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên và đề nghị xem xét, giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên và Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của người bị hại thực hiện đúng quy định, lý do xin vắng mặt đều chính đáng. Xét thấy, sự vắng mặt của những người bị hại tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của người vắng mặt cũng như việc xem xét, quyết định các nội dung liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra cả về hành vi, thời gian, tài sản chiếm đoạt, phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở khách quan để kết luận: Bị cáo Lò Văn T phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thực hiện hành vi trái công vụ để chiếm đoạt tài sản nhiều lần đối với nhiều người liên tục trong một thời gian liền kề. Bị cáo là người có kiến thức chuyên môn đối với công vụ được giao, biết rõ những người thuộc đối tượng được hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Quy định của Chính phủ không phải nộp khoản chi phí nào trước khi khai báo, cung cấp thông tin theo quy định, biết rõ hành vi Lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội, nhưng vì vụ lợi cá nhân, không làm chủ được bản thân đã lạm dụng công vụ được giao để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi hành vi phạm tội bị phát giác, tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa được người bị hại đề nghị và có đơn đề nghị giảm mức hình phạt đối với bị cáo thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về nhân thân của bị cáo: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, là công chức Nhà nước, là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, số tiền chiếm đoạt không lớn, sau khi hành vi phạm tội bị phát giác bị cáo đã chủ động hoàn trả đủ cho bị hại, những người bị hại đều đề nghị và viết đơn đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Cần xem xét, áp dụng Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, cư trú ổn định, rõ ràng, cần xem xét, áp dụng chính sách khoan hồng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về *"Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ"*, không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính răn đe và giáo dục chung, cần áp dụng cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ theo khoản 5 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

[8]. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cần trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác, theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Cần ghi nhận bị cáo đã bồi thường đủ toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bà Lò Thị B là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bà Lò Thị C 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và bà Đinh Thị E 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), những người bị hại không yêu cầu gì thêm.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền án phí. Do đó, phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào điểm c khoản 2, 5 Điều 355, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.*

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 05 (năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Lò Văn T đảm nhiệm chức vụ công chức Lao động thương binh và xã hội trong thời gian 02 (Hai) năm, thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Lò Văn T cho UBND xã TP, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TP, huyện Phù Yên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường đủ toàn bộ số tiền cho bà Lò Thị B là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bà Lò Thị C 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và bà Đinh Thị E 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14*.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện PhùYên;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBKT huyện ủy Phù Yên;
- Phòng Nội vụ huyện Phù Yên;
- UBND xã TP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Ngọc Thông